**BÀI TẬP TRÊN LỚP  
MÔN HỌC: HỆ PHÂN TÁN  
CHƯƠNG 4: ĐỒNG BỘ HÓA**

HỌ TÊN SV: Vũ Văn Trọng

MSSV: 20184206  
  
**Câu hỏi 1:** Trình bày 1 ví dụ để mô phỏng vấn đề gặp phải khi các máy tính/tiến trình hoạt động trong hệ thống phân tán mà không có đồng hộ vật lý dùng chung.

Ví dụ một mạng nhận được gói tin có thời gian gửi và sau thời gian chờ trên máy đó.

- Ví dụ trên nếu xảy ra trong trường việc chuyển tiền và gửi tiền vào tài khoản ngân

hàng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Tiền được gửi đến trước nhưng theo hệ thống là

đến sau khi người dùng có yêu cầu rút tiền thì người dùng sẽ không thể rút được

**Câu hỏi 2:** Tại sao Lamport lại đề xuất sử dụng đồng hồ logic thay cho đồng hồ vật lý trong hệ phân tán?

Lý do là vì vấn đề gặp phải là thứ tự gói tin chứ không phải thời gian cụ thể. Nên chỉ cần

đồng hồ logic là có thể giải quyết vấn đề này.

**Câu hỏi 3**: Đặc điểm gì của mạng không dây (wireless network) khiến cho thiết kế các giải thuật đồng bộ khác các kiểu mạng khác?

Mạng không dây có tốc độ không ổn định nên cần tối ưu việc nhận và gửi thông điệp

**Câu hỏi 4**: Giải thuật Lamport được đưa ra để thực hiện loại trừ lẫn nhau (mutual exclusion). Giải thuật được mô tả như sau:  
 Hệ thống có n tiến trình: P1, P2, ... Pn. Có 1 tài nguyên chia sẻ dùng chung gọi là SR (Shared Resource). Mỗi tiến trình sẽ lưu trữ một hàng đợi queuei để lưu các yêu cầu của các tiến trình khác khi chưa được thực hiện. Khi tiến trình Pi muốn truy cập vào SR, nó sẽ quảng bá 1 thông điệp REQUEST(tsi,i) cho tất cả các tiến trình khác, đồng thời lưu trữ thông điệp đó vào hàng đợi của mình (queuei) trong đó tsi là timestamp của yêu cầu. Khi 1 tiến trình Pj nhận được yêu cầu REQUEST(tsi,i) từ tiến trình Pi thì nó đưa yêu cầu đó vào hàng đợi của mình (queuej) và gửi trả lại cho Pi thông điệp REPLY. Tiến trình Pi sẽ tự cho phép mình sử dụng SR khi nó kiểm tra thấy yêu cầu của nó nằm ở đầu hàng đợi queuei và các yêu cầu khác đều có timestamp lớn hơn yêu cầu của chính nó. Tiến trình Pi, khi không dùng SR nữa sẽ xóa yêu cầu của nó khỏi hàng đợi và quảng bá thông điệp RELEASE cho tất cả các tiến trình khác. Khi tiến trình Pj nhận được thông điệp RELEASE từ Pi thì nó sẽ xóa yêu cầu của Pi trong hàng đợi của nó.  
Câu hỏi:  
a) Để thực hiện thành công 1 tiến trình vào sử dụng SR, hệ thống cần tổng cộng bao nhiêu thông điệp?

a) Pi -REQUEST(all)→ Pj -REPLY→ Pi -RELEASE(all)→ Pi

(n-1) request

1 reply

(n-1) release

→ Tổng: 2(n-1) + 1 thông điệp

b) Có 1 cách cải thiện thuật toán trên như sau: sau khi Pj gửi yêu cầu REQUEST cho các tiến trình khác thì nhận được thông điệp REQUEST từ Pi, nếu nó nhận thấy rằng timestamp của REQUEST nó vừa gửi lớn hơn timestamp của REQUEST của Pi, nó sẽ không gửi thông điệp REPLY cho Pi nữa. Cải thiện trên có đúng hay không? Và với cải thiện này thì tổng số thông điệp cần để thực hiện thành công 1 tiến trình vào sử dụng SR là bao nhiêu? Giải thích.

b)

2(n-1) < ... < 3(n-1)

Tốt nhất> ... >Xấu nhất

=> Tiết kiệm (n-1) thông điệp reply

**Câu hỏi 5:** Giải thuật Szymanski được thiết kế để thực hiện loại trừ lẫn nhau. Ý tưởng của giải  
thuật đó là xây dựng một phòng chờ (waiting room) và có đường ra và đường vào, tương ứng  
với cổng ra và cổng vào. Ban đầu cổng vào sẽ được mở, cổng ra sẽ đóng. Nếu có một nhóm các  
tiến trình cùng yêu cầu muốn được sử dụng tài nguyên chung SR (shared resource) thì các tiến  
trình đó sẽ được xếp hàng ở cổng vào và lần lượt vào phòng chờ. Khi tất cả đã vào phòng chờ rồi  
thì tiến trình cuối cùng vào phòng sẽ đóng cổng vào và mở cổng ra. Sau đó các tiến trình sẽ lần  
lượt được sử dụng tài nguyên chung. Tiến trình cuối cùng sử dụng tài nguyên sẽ đóng cổng ra và  
mở lại cổng vào.

Mỗi tiến trình Pi sẽ có 1 biến flag i , chỉ tiến trình P i mới có quyền ghi, còn các tiến trình P j (j ≠ i)  
thì chỉ đọc được. Trạng thái mở hay đóng cổng sẽ được xác định bằng việc đọc giá trị flag của  
các tiến trình khác. Mã giả của thuật toán đối với tiến trình i được viết như sau:  
#Thực hiện vào phòng đợi  
flag[i] ← 1  
await(all flag[1..N]∈{0,1,2})  
flag[i] ← 3  
ifany flag[1..N]=1:  
flag[i] ← 2  
await(any flag[1..N]=4)  
flag[i] ← 4  
await(all flag[1..i-1]∈{0,1})  
#Sử dụng tài nguyên  
#...  
#Thực hiện giải phóng tài nguyên  
await(all flag[i+1..N]∈{0,1,4})  
flag[i] ← 0  
Giải thích ký pháp trong thuật toán:  
await(điều\_kiện): chờ đến khi thỏa mãn điều\_kiện  
all: tất cả  
any: có bất kỳ 1 cái nào  
Câu hỏi:  
flag[i] sẽ có 5 giá trị trạng thái từ 0-4. Dựa vào giải thuật trên, 5 giá trị đó mang ý nghĩa tương  
ứng nào sau đây (có giải thích):  
- Chờ tiến trình khác vào phòng chờ  
- Cổng vào được đóng  
- Tiến trình i đang ở ngoài phòng chờ  
- Rời phòng, mở lại cổng vào nếu không còn ai trong phòng chờ  
- Đứng đợi trong phòng chờ

Giải thích:

•Trước khi sử dụng tài nguyên sẽ là trạng thái “Cổng vào đóng” → 4

•Sau khi sử dụng tài nguyễn sẽ là trạng thái “Rời phòng, mở lại cổng vào nếu không

còn ai trong phòng chờ” → 0

•Từ đó, “Đứng đợi trong phòng chờ” → 2, trước phòng chờ là “Chờ tiến trình khác

vào phòng chờ” → 3

•Còn lại 1 → “Tiến trình i đang ở ngoài phòng chờ”